

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T,  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/DS-ST  
Ngày: 12-5-2022  
Về việc: “T/c HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bích Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thành Nghĩa

Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Tô Tấn Cường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

***Đại diện VKSND huyện T, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc: “Vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐDS-ST, ngày 23 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 830/2022/QĐST-DS, ngày 12 tháng 4 năm 2022; của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Diệu H, sinh năm 1961, có mặt.

Địa chỉ: Thôn T1, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

**Bị đơn:** Bà Bùi Thị Bích L, sinh năm 1972, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Ph2, huyện T, tỉnh Bình Định.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Đào Nh, sinh năm 1959

Người đại diện hợp pháp của ông Đào Nh: Bà Huỳnh Thị Diệu H, đại diện theo ủy quyền tại văn bản ủy quyền ngày 27/5/2020, có mặt.

Địa chỉ: Thôn T1, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Ông Đặng Từ H2, sinh năm 1963, (chồng bà L), vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Ph2, huyện T, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại các bản khai, biên bản công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Diệu H trình bày:* Giữa bà với bà Bùi Thị Bích L quen biết, nên bà L hỏi mượn tiền nhiều lần và bà H đã cho bà L mượn tổng số tiền 246.000.000đ, bà L viết giấy mượn ngày 20-12-2018 (Âm lịch), sau đó bà đòi nhiều lần bà L trả cho bà 42.000.000đ, nên bà L còn nợ là 224.000.000đ. Vì bà L nói với bà vay tiền để cho nhiều người khác vay nên bà đã cho bà L vay nhiều lần, đến khi biết được bà L đã lừa dối để chiếm đoạt tiền của bà nên bà H yêu cầu cơ quan Công an xử lý theo pháp luật hình sự. Đến nay Công an huyện T không khởi tố vụ án theo yêu cầu của bà H nên bà tiếp tục yêu cầu Tòa giải quyết. Bà H cho biết bà L khai tại cơ quan điều tra là bà L mượn tiền để trang trải kinh tế và trả nợ nần của bà L, bản thân ông Đặng Từ Hùng chồng bà L dù không ký vào giấy mượn tiền, nhưng ông H2 thừa nhận vào thời điểm năm 2018 gia đình ông H2 bà L điều kiện kinh tế khó khăn và cũng thừa nhận bà L mượn tiền để trả nợ cho gia đình và trang trải cuộc sống, bà L vay tiền đưa người khác vay cũng lấy lãi để sinh sống. Do đó nay bà H yêu cầu vợ chồng bà L, ông H2 phải có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền 224.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 21-12-2018 (AL) cho đến nay. Ngoài ra bà H không ý kiến trình bày gì và không yêu cầu gì khác.

*Bị đơn bà Bùi Thị Bích L có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có các bản tự khai trình bày:* Bà L có quen biết bà H, thời gian đầu bà có vay của bà H 10.000.000đ trả góp ngày 300.000đ/ ngày / 37 ngày, sau đó bà vay nhiều lần và lấy tên của người khác để yêu cầu bà H cho vay thêm tổng cộng đến tháng 12 năm 2018 bà còn nợ bà H số tiền 224.000.000đ. Nay bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ. Việc bà vay tiền không liên quan đến người nhà của bà.

*Tại phiên tòa hôm nay Người đại diện hợp pháp của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Nh là bà Bà Huỳnh Thị Diệu H, -Đại diện theo ủy quyền tại văn bản ủy quyền ngày 27/5/2020 trình bày:* Ông Nhiên đồng ý với ý kiến của vợ ông là Huỳnh Thị Diệu H. Ngoài ra ông không có ý kiến gì.

*Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Đặng Từ Hùng vắng mặt tại phiên tòa vẫn không có ý kiến trình bày.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà L và bà H thống nhất số tiền bà L vay tiền còn nợ bà H là 224.000.000đ. Việc bà H cho bà L vay tiền nhưng không chứng minh được bà L sử dụng tiền làm gì, cũng không chứng minh được ông Đặng Từ Hùng có biết vợ mình là bà L mượn tiền của bà H nên không có căn cứ buộc ông H2 cùng trả nợ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà L trả cho vợ chồng bà H số tiền vay còn nợ là 224.000.000đ và lãi suất 20% / năm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên*

*tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

1] Về thủ tục tố tụng : Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Ph2, huyện T, tỉnh Bình Định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Từ Hùng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu của vợ chồng bà Huỳnh Thị Diệu H và ông Đào Nh yêu cầu vợ chồng bà Bùi Thị Bích L và Đặng Từ H2 trả số tiền vay còn nợ là 224.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 20-12-2018(AL) theo lãi suất 20%/ năm là phù hợp nên được chấp nhận. Bồi lẽ tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bà L thừa nhận vay còn nợ bà H số tiền 224.000.000đ, trong đó tiền gốc là 179.300.000đ và tiền lãi 44.700.000đ. Việc vay mượn giữa bà L và bà H có lãi nên bà H yêu cầu tính lãi 20%/ năm đối với số tiền gốc từ ngày bà L nhận nợ lần cuối là ngày 21-12-2018 (âm lịch) tức ngày 26-01-2019 (dương lịch) đến nay là phù hợp với quy định tại Điều 468 BLDS, nên tiền lãi được tính như sau: Tiền lãi trên nợ gốc  $179.300.000đ \times 20\% / \text{năm} \times 39 \text{ tháng}$  16 ngày (từ ngày 26-01-2019 đến ngày 12-5-2022) = 132.452.000đ, tiền lãi trên nợ lãi là  $44.700.000đ \times 10\% / \text{năm} \times 39 \text{ tháng}$  16 ngày (từ ngày 26-01-2019- đến 12-5-2022) = 14.726.000đ. Vì vậy buộc bà L phải trả cho vợ chồng bà H tổng cộng lãi và gốc là 371.178.000đ (trong đó tiền nợ là 224.000.000đ và tiền lãi là 147.178.000đ).

[2].2 Đối với yêu cầu của bà H buộc ông Đặng Từ Hùng là chồng bà L cùng chịu trách nhiệm trả nợ với bà L là có căn cứ, bồi lẽ tại các bản khai tại cơ quan điều tra bà L thừa nhận mục đích bà L vay tiền của bà H về trang trải nợ nần trong gia đình, lo các con ăn học là nhằm phục vụ cho nhu cầu của gia đình. Mặc dù ông H2 không ký vào giấy nhận nợ, nhưng tại bản khai tại cơ quan điều tra ông H2 cũng thừa nhận thời điểm năm 2018 gia đình ông gặp khó khăn về kinh tế, bà L có nói với ông về việc bà L mượn tiền của bà H về lo gia đình là có thật. Vì vậy buộc ông H2 cũng phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H là phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình.

[2].3 Đối với việc bà L xin trả dần số nợ nhưng bà H không đồng ý nên không thỏa mãn yêu cầu của bà L.

Ý kiến của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như đã nêu trên nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí DSST: Buộc bà L ông H2 cùng phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Trả lại cho bà Hồng tiền tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Các Điều 35, 39, 217, 227, 228, 233 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình ; Điều 26 Nghị Quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Diệu H. Buộc vợ chồng bà Bùi Thị Bích L và ông Đặng Từ Hùng phải trả cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Diệu H và ông Đào Nh số tiền 371.178.000đ {trong đó tiền nợ là 224.000.000đ và 147.178.000đ tiền lãi tính từ ngày 21-12-2018 (AL) tức nhằm ngày 26-01-2019 (DL) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12-5-2022}.

**2.** Bác yêu cầu xin trả dần của bà L.

**3.** Về án phí DSST: Buộc vợ chồng bà L ông H2 cùng phải chịu 18.558.000đ sung vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn trả cho bà H 5.600.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000599, ngày 26-5-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12-5-2022). Đương sự vắng mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Phòng KTNV -TAND tỉnh BÐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Bích Thủy**



